

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2018/DS-PT
Ngày: 31/5/2018
V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tài – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/5/2018, 28/5/2018, 31/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2018/TLPT- DS ngày 09/02/2018 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Phan Thanh S, sinh năm 1977;

1.2 Trần Thị S1, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện C tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phan Thanh H (C), sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Phan Thanh S và Trần Thị S1 là nguyên đơn trong vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Phan Thanh S và chị Trần Thị S1 cùng trình bày:

+ Anh chị có cho ông Phan Thanh H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: vay 4.000.000 đồng vào ngày 04/01/2016 (âm lịch);

Lần 2: vay 2.000.000 đồng vào ngày 16/3/2016 (dương lịch);

Lần 3: vay 2.000.000 đồng vào ngày 08/02/2016 (âm lịch);

Lần 4: vay 17.000.000 đồng vào ngày 24/03/2016 (âm lịch);

Lần 5: vay 6.000.000 đồng vào ngày 08/5/2016 (âm lịch);

Lần 6: vay 5.000.000 đồng vào ngày 14/5/2016 (âm lịch);

Lần 7: vay 2.000.000 đồng vào ngày 20/5/2016 (dương lịch);

Lần 8: vay 15.000.000 đồng vào ngày 10/4/2016 (âm lịch);

Lần 9: vay 4.000.000 đồng vào ngày 28/6/2016 (âm lịch);

Lần 10: vay 4.000.000 đồng vào ngày 10/7/2016 (âm lịch).

Tổng cộng số tiền ông H vay của anh chị là 61.000.000 đồng. Các lần vay đều không làm giấy tờ, chỉ có lần vay thứ 5 ngày 08/5/2016 (âm lịch) có anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị M E chứng kiến. Hợp đồng vay chỉ thỏa thuận miệng với lãi suất 10%/tháng, không thế chấp tài sản. Mục đích vay để xây kim tinh, làm đám tang, xây mộ, cúng thất và 100 ngày cho bà Nguyễn Thị A là mẹ của ông H.

+ Ông H có trả được số tiền cụ thể như sau:

Ngày 06/4/2016 (âm lịch) trả 20.000.000 đồng gồm tiền vốn và lãi nhưng sau đó 02 ngày ông H đã đến vay lại số tiền này.

Tính đến cuối năm 2016 tổng số tiền vốn và lãi ông H nợ là 95.500.000 đồng.

Sáng ngày 27/12/2016 (âm lịch) trả 30.000.000 đồng tiền lãi.

Chiều ngày 27/12/2016 (âm lịch) trả thêm 1.500.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, ông H còn nợ lại anh chị số tiền 65.000.000 đồng.

Nay anh chị yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả 65.000.000 đồng tiền vốn và 45.500.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 110.500.000 đồng.

- Bị đơn ông Phan Thanh H trình bày:

Ông H không thống nhất lời trình bày của anh S và chị S1, ông chỉ thừa nhận trước đây có vay của anh S và chị S1 số tiền 5.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày với lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng, mục đích vay tiền là để xây kim tinh cho mẹ của ông là bà Nguyễn Thị A. Ngoài ra, vào ngày đám tang bà A (09/4/2016 âm lịch) ông có vay thêm 15.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, mục đích vay là để làm đám tang bà Nguyễn Thị A, khi vay không làm biên nhận. Sau đó, ông có vay thêm 07 lần tính từ ngày 22/5/2016, các lần cách nhau 7 ngày, mỗi lần 2.000.000 đồng để làm thất cho bà Nguyễn Thị A với tổng số tiền 14.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, không làm biên nhận và không ai chứng kiến. Tổng số tiền mà ông vay của anh S và chị S1 là 34.000.000 đồng.

Trong quá trình vay thì ông có trả được cho anh S và chị S1 số tiền 20.000.000 đồng vốn và lãi vào ngày 06/4/2016 (âm lịch); ngày 26/12/2016 (âm lịch) trả 30.000.000 đồng và ngày 28/12/2016 (âm lịch) trả 500.000 đồng. Tổng cộng trả được 50.500.000 đồng (gồm vốn và lãi). Hiện nay, ông không còn nợ nên không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của anh S, chị S1 và cũng không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi để buộc anh S và chị S1 trả lại số tiền chênh lệch.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Phan Thanh S và chị Trần Thị S1 về việc yêu cầu ông Phan Thanh H trả số tiền vốn vay 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 45.500.000đ (Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 01 năm 2018, anh Phan Thanh S và chị Trần Thị S1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên của Tòa án

nhân dân huyện C và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc ông Phan Thanh H trả cho anh, chị số tiền là 110.500.000đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Anh S, chị S1 cung cấp bổ sung chứng cứ gồm: Bản ghi lại lời thoại cuộc nói chuyện giữa bà T với anh S do anh ghi âm khi anh điện thoại cho bà T; nhân chứng là ông Đặng Hoàng A1 (nhân chứng biết được một số nội dung tranh chấp giữa vợ chồng anh S với ông H) và giấy ghi theo dõi việc cho vay của anh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Thanh S và chị Trần Thị S1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đồng thời cần nhận định rõ đối với các khoản vay còn lại, cũng như phần số tiền chênh lệch sau khi đã được điều chỉnh về phần lãi suất, để giải quyết bằng một vụ án khác cho phù hợp với quy định của pháp luật. Về phần án phí thì đề nghị tuyên đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phan Thanh S và chị Trần Thị S1 (vợ chồng) trình bày, trước đây vợ chồng anh có vay tiền giùm cho ông Phan Thanh H, mục đích là để làm kim tính, đám tang và cúng thất cho bà Nguyễn Thị A (mẹ của ông H và cũng là bà nội của anh S); anh S đã vay tiền của bà Cao Thị M E để đưa tiền cho ông H, lãi suất 10%/tháng, tổng số tiền vay còn nợ trong 10 lần là 65.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Do đó vợ chồng anh S yêu cầu ông H phải trả số tiền vốn nói trên là 65.000.000đ và tiền lãi là 45.500.000 đồng, tổng cộng 110.500.000 đồng để anh Sang trả cho bà M E. Ông H thừa nhận có nhờ anh S vay tiền, mục đích là để lo việc gia đình như anh S trình bày nói trên, nhưng ông H chỉ thừa nhận vay lần đầu là 5.000.000 đồng (không nhớ ngày), ngày

09/4/2016 (âm lịch) vay 15.000.000 đồng và 07 lần vay tiếp theo với mỗi lần nhận 2.000.000 đồng, tổng cộng là 34.000.000 đồng; đối với các khoản vay ngày 04/01/2016 (âm lịch), ngày 16/3/2016 (dương lịch), ngày 08/02/2016 (âm lịch), ngày 24/3/2016 (âm lịch), ngày 08/5/2016 (âm lịch), ngày 14/05/2016 (âm lịch), ngày 20/5/2016 (dương lịch) ngày 28/6/2016 (âm lịch) và ngày 10/7/2016 (âm lịch) thì ông H không thừa nhận.

[2] Các chứng cứ của anh S cung cấp như sau:

Anh Nguyễn Nhật T (cháu của ông H và cũng là em bà con cô cậu với anh S) trình bày, chiều ngày 08/5/2016 ông H có nhờ anh chở ông H đến nhà của chị S1 nên anh biết được việc ông H vay tiền, nhưng không biết vay bao nhiêu tiền mà chỉ biết là ông H có nhận tiền từ chị S1, chỉ thấy vay một lần, mục đích vay là lo trị bệnh cho bà A. Khi chị S1 đòi tiền ông H thì hai bên xảy ra xô sát, anh có khuyên ông H trả nợ thì ông H cho rằng chỉ trả tiền vốn còn lãi trả từ từ.

Bà Cao Thị M E xác nhận, anh S có hỏi vay tiền của bà và bà có nghe anh S nói lại là vay giùm cho ông chú của anh S (khi tranh chấp xảy ra thì bà mới biết mặt ông H và cũng chưa có tiếp xúc với ông H), sau này cũng nghe anh S nói lại là ông H còn thiếu 65.000.000 đồng. Việc anh S với ông H thỏa thuận vay tiền, giao nhận tiền, cách tính lãi như thế nào thì bà hoàn toàn không biết mà bà chỉ nghe anh S nói lại; bà chỉ có chứng kiến việc anh S nhận của bà 15.000.000 đồng và giao lại cho ông H ngay ngày đám tang của bà A (số tiền này thì ông H thừa nhận có vay).

Tại phiên tòa, ông Đặng Hoàng A1 (chồng của bà M E) cho biết, việc vợ của ông cho ông S vay cũng như số tiền còn thiếu bao nhiêu thì ông không biết, nhưng trước đây anh S có nhờ ông đến nhà của ông H để nói cho ông H biết việc ông S vay tiền giùm cho ông H là tiền của bà M E và ông có yêu cầu ông H sớm trả tiền cho anh S để anh S trả nợ cho bà M E, lúc đó ông cũng chỉ nghe ông H nói còn nợ tiền của anh S chứ không nói số tiền còn thiếu là bao nhiêu.

Trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án thì anh S có điện thoại cho bà T (chị của ông H và cũng là cô ruột của anh S) và anh S có ghi âm lưu trong thẻ nhớ của điện thoại về cuộc nói chuyện này. Khi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, ông H, vợ chồng anh S cùng nghe cuộc

thoại giữa anh S với bà T (anh S mở máy ghi âm); ông H cũng thừa nhận tiếng nói do anh S ghi âm đúng là của bà Tt. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S thừa nhận do anh chủ động điện thoại để nói cho bà T biết việc anh khởi kiện, anh cũng chủ động nói cho bà T biết số tiền mà anh kiện ông H chứ thực tế bà T không biết việc ông H nợ bao nhiêu, còn nợ hay không còn nợ; bà T chỉ nói sẽ yêu cầu ông H bàn bạc phương án trả nợ chứ không nên kiện nhau.

Đối với giấy ghi theo dõi việc cho vay của anh S hoàn toàn không có chữ ký hoặc chữ viết xác nhận của ông H, nay ông H không thừa nhận nên cũng không đủ cơ sở chứng minh.

[3] Qua nội dung trên cho thấy việc ông H vay tiền của anh S là có thật, nhưng khi giao nhận tiền không có làm biên nhận mà anh S chỉ ghi vào giấy để tự theo dõi không có chữ ký xác nhận của ông H, nên nay hai bên tranh chấp về số tiền vay; các nhân chứng không biết rõ ràng việc thỏa thuận của anh S với ông H, không chứng kiến giao nhận tiền mà chỉ nghe anh S nói lại khi tranh chấp xảy ra, một số lời khai của nhân chứng không khớp nhau. Ông H thừa nhận ông Hoàng A1 có đến nhà của ông và ông chỉ nói có vay anh S số tiền là 34.000.000 đồng .

Thực tế, ông H đã trả cho anh S, chị S1 được tổng cộng vốn lãi là 50.500.000 đồng và việc này cũng được anh S, chị S1 thừa nhận. Do đó yêu cầu kháng cáo của anh S, chị S1 là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 20%/năm để điều chỉnh lãi đối với số tiền vay 15.000.000 đồng, thời hạn tính lãi 256 ngày kể từ ngày vay đến ngày trả 30.000.000đ (15/5/2016 dương lịch đến ngày 25/01/2017 dương lịch), thành tiền là 2.132.000đ là phù hợp pháp luật. Anh S, chị S1 thừa nhận có nhận của ông H 50.500.000đ nên được khấu trừ vào tiền vốn lãi mà ông H phải trả 17.132.500đ, vậy ông H trả còn thừa là 33.367.500đ.

Ông H không có yêu cầu vợ chồng anh S trả số tiền 33.367.500đ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không có xem xét giải quyết; đồng thời việc ông H thừa nhận có vay của anh S số tiền 5.000.000đ (không nhớ ngày) và 14.000.000đ của 7 lần vay để làm thất cho bà A, nhưng vợ chồng anh S cũng không yêu cầu ông H trả nên Tòa án cấp sơ thẩm không có xem xét giải quyết. Vì vậy các khoản tiền này khi có yêu cầu sẽ khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh S và chị S1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở như đã phân tích trên nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S, chị S1.

[6] Án phí: Anh S, chị S1 kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Thanh S và chị Trần Thị S1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 04-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Phan Thanh S và chị Trần Thị S1, về việc yêu cầu ông Phan Thanh H trả số tiền vốn vay 65.000.000đ và số tiền lãi là 45.500.000 đ, tổng cộng 110.500.000đ.

3. Về án phí:

Anh Phan Thanh S và chị Trần Thị S1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.525.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.750.000đ theo biên lai thu số 16053 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Vậy anh S và chị S1 phải nộp tiếp số tiền 2.775.000 đồng.

Anh S, chị S1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 04087 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Phan Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DT;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng